

PHỤ LỤC II
MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG

Số: 436/TB-THADS.KV8

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

- Diện tích đất: Diện tích 183.2m² đất thuộc thửa số 188, tờ bản đồ số 4 (thửa cũ 1017, tờ bản đồ số 3), mục đích sử dụng: HNK, tọa lạc xã Vĩnh An, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (nay là xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long).

- Tài sản gắn liền với diện tích đất:

+ Nhà chính: Diện tích 86m², có kết cấu móng cột dầm, bê tông cốt thép, tường bao che ngăn phòng, xây gạch dày 10cm (02 phòng, cửa phòng bằng nhôm gắn kính) hoàn thiện sơn nước, trần nhựa, nền lát gạch bông (Ceramic), mái tôn. Cửa sau bằng gỗ loại 02 cánh, cửa chính bằng gỗ loại 04 cánh gắn kính. Cửa bảo vệ loại cửa cuốn bằng nhôm (02 cửa).

+ Nhà sau: Diện tích 38m², có kết cấu cột bê tông chôn chân, vách tôn nền xi măng, mái tôn xi măng.

+ Nhà vệ sinh: Diện tích 3,4m², có kết cấu tường xây gạch, nền lát gạch bông (Ceramic).

Tài sản kê biên do ông Phan Thanh Hồng, sinh năm 1970 - bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1969; cùng địa chỉ ấp Vĩnh Đức Trung, xã Vĩnh An, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Vĩnh Đức Trung, xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long) đứng tên quyền sử dụng.

2. Giá khởi điểm: 1.621.884.302đ (một tỷ sáu trăm hai mươi một triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm lẻ hai đồng). Làm tròn 1.621.884.000đ (một tỷ sáu trăm hai mươi một triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty Đấu giá hợp danh Đông Nam, địa chỉ số 56 Hiền Vương, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số 56 Hiền Vương, phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh). Tổng số điểm: 90 điểm.



4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Công ty Đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty Đấu giá hợp danh Đông Nam	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	18,0	19,0	18,0
1.	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	10,0	10,0	10,0
1.1	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	5,0	5,0	5,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	5,0	5,0	5,0
2.	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho</i>	5,0	5,0	5,0

	<i>việc đấu giá</i>			
2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0	2,0	2,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0	3,0	3,0
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2,0	2,0	2,0
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	0,0	1,0	0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0	16,0	15,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0	4,0	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu</i>	2,0	2,0	2,0



	quả			
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0	4,0	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0	4,0	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0	2,0	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0	2,0	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0	4,0	3,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	46,0	55,0	56,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) (Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí)</i>	15,0	15,0	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>			
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>			
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc</i>			

	đấu giá			
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	15,0	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	6,0	7,0	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)			
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành			
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0		
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên		7,0	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí)	6,0	7,0	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)			
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc			
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0		
3.4	Từ 50 cuộc trở lên		7,0	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	1,0	3,0	2,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ		3,0	



	10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm			
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$	1,0		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$			2,0
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) (Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí)	6,0	5,0	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm			
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm		5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên			7,0

6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	2,0	4,0	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0		
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên			
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên		4,0	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	3,0	4,0	4,0
7.1	Dưới 05 năm			
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0		3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên		4,0	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	4,0	5,0	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên			
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0		
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		5,0	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trù	3,0	5,0	5,0

	thuế giá trị gia tăng			
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0		
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng			
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên		5,0	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định			
	Tổng số điểm	80,0	90,0	89,0

Nơi nhận:

- Trang TTĐT THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Cổng TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Lưu: VT, HSTHADS.



CHẤP HÀNH VIÊN

Trương Minh Trung